

Số: 1169 /TCT-PC&KSNB
V/v công bố thông tin

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
Điện thoại: 024.36410799 Fax: 024.36410800
Mã chứng khoán: VIF

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quốc Khánh - Tổng giám đốc;
Địa chỉ: 127 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ bất thường ☐ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo: Ngày 15/9/2025, Tổng công ty nhận được Bản án số 04/2025/DS-ST ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 Thái Nguyên trong vụ án “Tranh chấp Hợp đồng giao khoán” giữa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần và ông Đỗ Hồng Linh.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 15/09/2025 tại đường dẫn <http://www.vinafor.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- PTGD Ngô Thị Thúy Mai;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- Ban công bố thông tin;
- Lưu VT, PC&KSNB.



Lê Quốc Khánh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5
THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 06/8/2025

V/v "Tranh chấp Hợp đồng giao khoán"

ÁN CHƯA CÓ HIỆU LỰC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Tất Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Ngày 06/8/2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 5, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 17/4/2025 về việc kiện "Tranh chấp Hợp đồng giao khoán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-ST ngày 26/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. (Nay là Số 127 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.)

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Quốc Khánh, sinh năm 1965, chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Đại diện theo ủy quyền:*

Ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1984, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. (Có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 344 ngày 24 tháng 3 năm 2025)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Hồng Linh, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP Cầu Đã, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)

(Nay là xóm Cầu Đã, xã Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị Toàn, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP Cầu Đã, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)

(Nay là xóm Cầu Đã, xã Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Tuấn trình bày:

Năm 2018, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế số 68 HĐTR/CT-LN ký ngày 22/3/2018 tại lô rừng E4, E5, khoảnh 7, tiểu khu 196, diện tích 2,45ha với ông Đỗ Hồng Linh trú tại xóm Cầu Đã, xã Tân Lợi (cũ) nay là xóm Cầu Đã, xã Trại Cau. Theo hợp đồng hai bên thoả thuận, Công ty đầu tư cho ông Linh trồng rừng gồm: Cây giống (3.600 cây keo lai mô, gồm cả tra dặm) và nhân công trồng rừng năm thứ nhất (bằng mức lương cơ sở tại thời điểm ngày 01/01 của năm ký hợp đồng trồng rừng, năm 2018 là: 1.300.000 đồng/ha). Chu kỳ hợp đồng là 07 năm (từ năm 2018 đến năm 2025), chủ hộ phải trả cho Công ty khối lượng gỗ là 40 m³/ha tương đương với giá trị tiền tại thời điểm khai thác năm 2024, 2025 là 800.000 đồng/m³, sản lượng vượt khoán chủ hộ hưởng 100% (khoảng 60 - 70 m³/ha). Ông Linh và bà Toàn đã nhận cây giống và tiền nhân công do Công ty chỉ trả.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện công tác nghiệm thu rừng trồng tại lô rừng E4, E5 đều đạt kết quả nghiệm thu, rừng sinh trưởng và phát triển khá tốt bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật và sản lượng tăng trưởng hàng năm.

Đến tháng 8/2024 ông Đỗ Hồng Linh và gia đình đã tự ý khai thác tại lô rừng trên, vận chuyển sản phẩm gỗ đi tiêu thụ mà chưa giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng, không thanh lý hợp đồng và không được Công ty cho phép (Công ty là chủ đất, chủ rừng) nhưng ông Linh và gia đình chống đối không hợp tác, không thực hiện mà vẫn cố tình lợi dụng ngày nghỉ và trời tối để vận chuyển sản phẩm gỗ đi tiêu thụ.

Giá trị gỗ cây đúng quy ra tại thời điểm ông Linh phải thanh toán cho Công ty để thanh lý hợp đồng là 2,45ha x 40m³/1ha x 800.000đ/1m³ = 78.400.000đ.

Nay ông ✓ là người được uỷ quyền của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ (Nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên) giải quyết buộc ông Đỗ Hồng Linh, bà Phạm Thị Toàn phải trả cho Công ty phần khối lượng giao nộp theo hợp đồng tương đương với giá trị là 78.400.000 đồng mà ông Linh đã tự ý khai thác và bán sản phẩm từ lô rừng nhận khoán với Công ty và có giảm trừ cho ông Linh, bà Toàn 10.000.000đ, còn lại buộc ông Linh, bà Toàn phải trả cho Công ty số tiền 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), về lãi suất không yêu cầu.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Hồng Linh trình bày:

Năm 2010 ông ký hợp đồng trồng rừng với công ty lần đầu tiên với diện tích 1,25ha, tại khoảnh 7, tiểu khu 196 (trước đây là tiểu khu 414). Năm 2015 ông lại ký tiếp Hợp đồng trồng rừng với Công ty với diện tích 1,25ha nhưng đây là hợp đồng trắng, chưa có diện tích chưa ghi nội dung gì và chưa ghi ngày tháng năm trong hợp đồng. Đến tháng 01/2019 ông mới nhận được Hợp đồng số 68 ghi năm 2018, khi ông nhận được Hợp đồng ông đã nhận tiền đầu tư của Công ty theo Hợp đồng 68 năm 2018 gồm tiền cây giống và tiền nhân công, tổng số tiền ông đã nhận là 3.185.000đ, lúc đó diện tích 2,45 mới được nhận số tiền 3.185.000đ. Ông được nhận tiền và nhận hợp đồng trong cùng tháng 01/2019. Cây giống ông đã nhận từ đầu tháng 6 năm 2018, khi ông nhận được hợp đồng thấy diện tích không đúng, ông đã lên gặp Công ty nhưng không ai giải quyết. Ông vẫn tiếp tục trồng và chăm sóc cây theo đúng hợp đồng của Công ty, trong quá trình chăm sóc thì liên tục gặp thiên tai cây thiệt hại nhiều, các chu kỳ trước có phân, chu kỳ này không cung cấp phân nên cây cũng kém phát triển. Năm 2024 gặp bão, ông đã vào thu gom toàn bộ diện tích cây bị hư hỏng và mang đi bán giá rẻ. Khi bị thiệt hại như vậy ông đã báo Công ty nhưng Công ty không giải quyết, ông chỉ báo miệng. Lô rừng ông đã thu gom và bán hết sản phẩm từ cuối năm 2024, ông đem cân và trả tiền ngay không có hoá đơn, chứng từ gì, ông ước tính bán được khoảng hơn 50.000.000đ trừ tiền công thuê cưa và nhân công, tiền xăng, thuê 3 người, tổng tiền thuê hết 14.200.000đ, còn lại 35.800.000đ.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả số tiền phải nộp theo hợp đồng tương đương với giá trị là 78.400.000 đồng do gia đình ông khai thác và bán sản phẩm từ lô rừng nhận khoán và chỉ giảm trừ 10.000.000đ do bão, ông không nhất trí, do thiên tai thiệt hại nhiều nên ông chỉ nhất trí trả cho công ty số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Toàn trình bày:

Bà là công nhân của Lâm trường, bà đã trồng rừng từ năm 1999 trên đất của Lâm trường Đồng Hỷ đối với lô rừng E4, E5, khoảnh 7, tiểu khu 196. Nhưng đến năm 2010 mới ký hợp đồng trồng rừng với công ty lần đầu tiên với diện tích 1,25ha. Việc trồng rừng bà cùng với ông Linh trồng và cùng khai thác bán sản phẩm và chi tiêu chung. Năm 2015 lâm tặc chặt phá nhiều nên gia đình bà đã đề nghị được khai thác, đang khai thác thì xảy ra tranh chấp với gia đình nhà ông Linh Văn Đeng với diện tích đất rừng khác, cạnh lô E4, E5 nên đến 2018 thì gia đình mới tiến hành khai thác rừng tại lô E4, E5 (Từ năm 2018 trở về trước lô E4, E5 là lô D2, D3), gia đình bà đã tiến hành trả sản cho Công ty bằng tiền với số tiền 32.000.000đ. Chu kỳ trước gia đình bà cũng được nhận giống và tiền nhân công, phân bón với số tiền gia đình bà được nhận hơn 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Khi gia đình bà đến Công ty nộp tiền sản của chu kỳ cây 2010 lại tiếp tục ký hợp đồng trồng rừng năm 2018 với diện tích 2,45ha. Ông Linh chồng bà là người trực tiếp ký hợp đồng, hợp đồng này chỉ được ký, không được đọc hợp đồng, ký trước và điền nội dung sau. Sau khi ký hợp đồng trồng rừng gia đình bà đã nhận tổng số cây giống là 3.600 cây gồm cả cây tra dặm (cây giống công ty cấp nhiều hơn để nếu có cây nào chết thì trồng dặm vào thay thế) và nhận tiền nhân công là 3.185.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Thời hạn trồng rừng theo chu kỳ trồng rừng là 7 năm, về nội dung hợp đồng, quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng gia đình bà hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên trong quá trình trồng rừng do gặp thiên tai, đặc biệt là trận bão cuối tháng 9 năm 2024, cây bị đổ nhiều gia đình bà đã vào thu gom và khai thác toàn bộ cây còn sót lại không đáng kể. Vì có thiệt hại như vậy nên gia đình bà mong công ty xem xét giảm số tiền phải trả để bớt khó khăn.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu gia đình bà phải trả số tiền phải nộp theo hợp đồng tương đương với giá trị là 78.400.000 đồng do gia đình bà khai thác và bán sản phẩm từ lô rừng nhận khoán chỉ giảm trừ 10.000.000đ, bà không nhất trí, bà chỉ nhất trí trả cho công ty số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến để tiến hành làm bản tự khai, tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ cũng như triệu tập các bên đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tại phiên hòa giải các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tổ tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại tổ dân phố Cầu Dã, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Nay là xóm Cầu Dã, xã Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên) do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (Theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-UBTVQH ngày 27/6/2025 nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên).

*** Về nội dung:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Linh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Toàn phải thanh toán số tiền phải nộp theo thoả thuận trong Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế số 68 HĐTR/CT-LN ký ngày 22/3/2018 tại lô rừng E4, E5, khoảnh 7, tiểu khu 196, diện tích 2,45ha, tương đương với giá trị là 68.400.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra gồm 01 bộ Hồ sơ giao nhận khoán số 68 gồm

có đơn xin nhận khoán, Hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng, biên bản về việc bàn giao số liệu thiết kế trồng rừng, biên bản giao nhận vật tư, cây giống, các biên bản nghiệm thu, phiếu giao nhận cây giống phục vụ trồng rừng, phiếu chi tiền nhân công; 01 bộ hồ sơ khai thác rừng trái pháp luật.

Phía bị đơn không nhất trí trả 78.400.000đ, mà chỉ nhất trí trả 30.000.000đ do quá trình thực hiện hợp đồng trồng rừng gặp bão, bị thiệt hại và cho rằng khi ký hợp đồng bị ép ký hợp đồng không.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về việc ký kết hợp đồng giao khoán: Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công Ty cổ Phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên (viết tắt là Công ty) là doanh nghiệp được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng. Ngày 22/3/2018 Công ty ký Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế số 68 HĐTR/CT-LN tại lô rừng E4, E5, khoảnh 7, tiểu khu 196, diện tích 2,45ha với ông Đỗ Hồng Linh. Hợp đồng giao nhận khoán ông Linh ký với Công ty đều dựa trên cơ sở có Đơn xin nhận khoán, Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Đỗ Hồng Linh trực tiếp ký với Công ty có chữ ký và xác nhận của UBND xã tân Lợi, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Nay là xã Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên). Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng. Từ khi ông Linh ký Hợp đồng nhận khoán bắt đầu năm 2018, ông Linh vẫn nhận tiền đầu tư và tiền nhân công, có biên bản giao nhận vật tư, cây giống, có phiếu chi tiền nhân công, tất cả các tài liệu có trong bộ hồ sơ giao khoán đều có chữ ký của ông Linh, biên bản bàn giao số liệu thiết kế trồng rừng có chữ ký của bà Toàn.

Như vậy việc ký hợp đồng trồng rừng giữa các bên là có thật, các bên đều thừa nhận được ký hợp đồng và đã được chi tiền nhân công, cây giống và bên nhận là ông Linh, bà Toàn cũng thừa nhận đã ký hợp đồng và nhận tiền chi nhân công, được nhận cây giống. Do vậy, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên phía ông Linh, bà Toàn cho rằng, việc ký hợp đồng là bị ép và ký không, nhưng ông bà không đưa ra được bất cứ căn cứ nào chứng minh về việc bị ép ký không. Mặt khác hợp đồng được ký năm 2018, đến 2019 ông Linh, bà Toàn đã nhận được hợp đồng và được biết toàn bộ nội dung trong hợp đồng, nhưng các bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng, ông Linh, bà Toàn vẫn nhận cây giống, nhận tiền nhân công và tiến hành chăm sóc cây, thu hoạch sản phẩm. Như vậy việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng để khai thác và trả sản theo thoả thuận giữa Công ty với ông Linh, bà Toàn. Tranh chấp chỉ phát sinh cho đến khi ông Linh, bà Toàn tự ý chặt cây và không thanh toán tiền, vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng đã thoả thuận với Công ty.

Do vậy việc ông Linh, bà Toàn cho rằng bị ép ký không là không có căn cứ

- Về diện tích đất giao khoán: Ông Linh, bà Toàn cho rằng diện tích đất giao khoán là 1,25ha, chứ không phải 2.45ha. Tuy nhiên tại biên bản giao nhận vật tư cây giống đã thể hiện số cây được giao là 3600 cây tương ứng với diện tích trồng rừng là 2,45ha. Tại phiếu chi tiền ngày 20/01/2019, ông Linh ký là người nhận tiền, cũng thể hiện chi tiền nhân công theo Hợp đồng số 68 tại tiểu khu 196, khoảnh 7, lô E4, E5, ông Linh cũng thừa nhận với số tiền 3.185.000đồng, thì tương ứng với diện tích 2,45ha. Tại danh sách bàn giao hợp đồng trồng rừng có chữ ký của ông Linh cũng thể hiện diện tích được nghiệm thu là lô E4, E5, có diện tích 2,45ha.

Do vậy việc ông Linh, bà Toàn cho rằng diện tích giao khoán là 1,25ha là không có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết ban đầu Công ty yêu cầu ông Linh, bà Toàn trả tổng số tiền 78.400.000đ, tại phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay Công ty giảm trừ số tiền 10.000.000đ cho ông Linh, bà Toàn và chỉ yêu cầu ông Linh, bà Toàn phải có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 68.400.000đ, việc thay đổi yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Ông Linh và bà Toàn là vợ chồng, việc ký kết và thực hiện hợp đồng giao khoán với Công ty bà Toàn cũng ký, tham gia trồng rừng và cùng khai thác bán sản phẩm, chi tiêu chung, nên nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp này là nghĩa vụ liên đới.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Công ty buộc ông Linh, bà Toàn phải trả số tiền 68.400.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí DSST, tuy nhiên ông Linh là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Linh, bà Toàn phải chịu ½ tiền án phí với số tiền phải nộp là 1.710.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357, 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm d Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần về Tranh chấp Hợp đồng giao khoán đối với bị đơn ông Đỗ Hồng Linh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Toàn.

2. Buộc ông Đỗ Hồng Linh và bà Phạm Thị Toàn phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên số tiền 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng giao khoán đã ký kết số 68 HĐTR/CT-LN ký ngày 22/3/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Miễn án phí cho ông Đỗ Hồng Linh. Bà Phạm Thị Toàn phải chịu 1.710.000đ (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

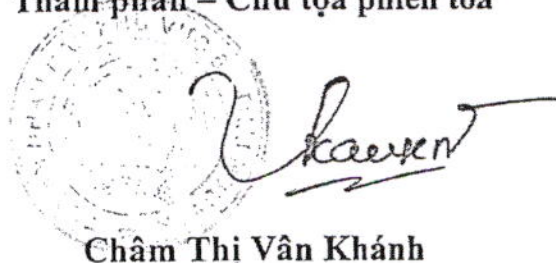
4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 5;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



Châm Thị Vân Khánh